

Bản án số: 172/2019/DS-ST
Ngày: 21-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý và bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2019, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2019/TLST - DS, ngày 08/01/2019. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST - DS, ngày 03/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-DS, ngày 24/04/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông N- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tùng C, sinh năm 1990, theo văn bản ủy quyền số 1250/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 03/12/2018 (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Thanh T; địa chỉ: Số 25 đường H, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 03/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V, ông Nguyễn Tùng C trình bày:

Ngày 18/12/2014, ông Đặng Thanh T có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20141222-801002-0001 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 21.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa

thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.757.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.343.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.868.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/02/2015. Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 8.058.000 đồng. Kể từ ngày 04/08/2015 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền 24.699.000 đồng (Trong đó số tiền dư nợ gốc còn lại là: 17.622.460 đồng, số tiền lãi còn lại là 7.076.540 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật..

Ngân hàng không yêu cầu ông T trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Tuấn chậm trả tiền thì Ngân hàng yêu cầu ông T trả tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự (không yêu cầu trả tiền lãi theo hợp đồng).

2. Bị đơn - Ông Đặng Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

3. Tài liệu, chứng cứ đã thu thập được gồm có:

3.1. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp:

Bản chính: Giấy ủy quyền ngày 03/12/2018

Bản sao: Chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Tùng C; Giấy giải ngân hợp đồng vay của khách hàng Đặng Thanh T; Phê duyệt của Ngân hàng VPBank, ngày 06/11/2014; Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 18/12/2014; Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông Đặng Thanh T; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Ngân hàng TMCP V; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Ngân hàng TMCP V; Giấy căn cước của ông Lê Hiền T; Quyết định của Giám đốc khối TDTD về việc bổ nhiệm nhân sự số 9898-2014/QĐBN-TDTD/NS; Văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT, ngày 22/6/2017; Điều lệ Ngân hàng.

3.2. Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp:

3.3. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai ngày 22/01/2019

4. Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Bị đơn vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ vay từ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Ông T cư trú tại Phường B, quận G. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Đặng Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 18/12/2014, ông T có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

Sau khi Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định pháp luật. Nhưng ông T không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Điều đó thể hiện ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 24.699.000 đồng (gồm tiền nợ gốc còn lại là: 17.622.460 đồng, số tiền lãi còn lại là 7.076.540 đồng). Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T trả một lần số tiền 24.699.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng không yêu cầu ông T trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T trả tiền lãi do chậm trả tiền theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là 3,75%/tháng nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự là có lợi cho ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện.

Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 24.699.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là 1.234.950 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Ông Đặng Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 24.699.000 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn) đồng, trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc: 17.622.460 đồng

- Tiền nợ lãi phát sinh: 7.076.540 đồng

Tổng cộng: 24.699.000 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 617.475 (Sáu trăm mười bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001862, ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Ông Đặng Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.234.950 (Một triệu, hai trăm ba mươi tư ngàn, chín trăm năm mươi) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

